

**BIỂN ĐÔNG TRONG CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN CỦA CÁC QUỐC GIA  
KHU VỰC CHÂU Á – THÁI BÌNH DƯƠNG ĐẦU THẾ KỈ XXI**

*Lê Vũ Trường Giang*

*Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế*

**Tóm tắt.** Những năm đầu thế kỉ XXI, chiến lược hướng biển đã được nhiều quốc gia trên thế giới hoạch định và thúc đẩy các “siêu dự án” quốc gia mang tính chiến lược lâu dài. Biển Đông với vị thế chiến lược và tiềm năng tự nhiên khiến nhiều quốc gia trong khu vực chú ý và tích cực thực hiện các hành động khai thác của mình. Sự lớn mạnh và chiến lược mở rộng phạm vi trên biển của Trung Quốc đã xâm hại chủ quyền của nhiều nước ASEAN, trong đó có Việt Nam. Mặt khác, sự can thiệp của một số nước lớn trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương và dư luận quốc tế đã làm Biển Đông liên tục là một tâm điểm nóng. Biển Đông đã trở thành một vấn đề mang tầm quốc tế và đóng vai trò quan trọng trong mối quan hệ giữa nhiều quốc gia trong khu vực châu Á – Thái Bình Dương. Trong nội dung bài viết này, chúng tôi hướng đến mục đích khái quát chung về vấn đề Biển Đông dưới góc độ quan hệ quốc tế, cũng như đưa ra những nhận định diễn biến tình hình Biển Đông trong tương lai.

**1. Những bất đồng, tranh chấp giữa các nước xung quanh về vấn đề Biển Đông**

Trong quá trình tìm hiểu về vấn đề Biển Đông, chúng tôi đã sử dụng một khảo sát trên mạng và thật bất ngờ với từ khóa “Biển Đông” có đến hơn 16.200.000<sup>1</sup> trong 0,20 giây những đường link liên quan trên Google. Rõ ràng vấn đề này là một vấn đề được dư luận trong nước quan tâm nhiều nhất trong những năm gần đây, thu hút sự tranh luận của nhiều diễn đàn báo chí, website tại Việt Nam cũng như nhiều khu vực trên thế giới.

Biển Đông là lãnh hải chủ yếu của 6 nước là Trung Quốc, Việt Nam, Philippines, Indonesia, Brunei, Malaysia. Mỗi năm, chỉ tính riêng ở Biển Đông các nước trong khu vực đánh bắt khoảng 7 - 8% tổng sản lượng đánh bắt cá trên toàn thế giới<sup>2</sup>.

---

<sup>1</sup><http://www.google.com.vn/#hl=vi&sugexp>

<sup>2</sup> Số liệu được tổng hợp từ Nguyễn Văn Âu, *Địa lý tự nhiên Biển Đông*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội; và <http://nghiencuubiendong.vn>, 2006.

Con khát dầu<sup>3</sup>, tiềm năng kinh tế biển, tuyến vận tải chiến lược sôi động thứ hai của thế giới, các động thái bành trướng của một số nước lớn, liên quan đến sự sống còn của nhiều quốc gia trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương được cho gắn với lợi ích trực tiếp từ Biển Đông. Xét về giá trị, có thể ví Biển Đông như một “mâm cỗ”, nơi mà các nước trong khu vực đều đặt vấn đề quyền lợi lên hàng đầu. Hiện nay, hầu hết các nước trong khu vực đều là những nước khai thác và sản xuất dầu khí từ biển như Trung Quốc, Việt Nam, Malaysia, Brunei, Indonesia, Thái Lan... trong đó Indonesia là thành viên của OPEC. Kinh tế biển như đánh bắt, nuôi trồng thủy hải sản cũng xem Biển Đông là một ngư trường lớn. Mặt khác, nhiều nước Châu Á muốn vận chuyển hàng hóa phải đi qua khu vực Biển Đông. Xuất khẩu hàng hóa của Nhật Bản phải đi qua khu vực này chiếm 42%, các nước Đông Nam Á 55%, các nước công nghiệp mới 26%, Australia 40% và Trung Quốc 22%<sup>4</sup>. Nếu khủng hoảng nổ ra ở vùng biển này, các loại tàu biển phải chạy theo đường mới hoặc vòng qua Nam Australia thì cước phí vận tải thậm chí sẽ tăng gấp năm lần. Đặc biệt, các đảo và quần đảo trong Biển Đông có ý nghĩa phòng thủ chiến lược quan trọng đối với nhiều nước. Nằm ở trung tâm Biển Đông, hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa là một trong những khu vực có nhiều tuyến đường biển nhất trên thế giới. Ngoài ra, hai quần đảo có thể dùng để kiểm soát các tuyến hàng hải qua lại Biển Đông, rất thích hợp cho việc sử dụng cho mục đích quân sự như đặt các trạm rada, thông tin, quan sát, trạm khí tượng thủy văn, các trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu cho tàu bè... Các nhà chiến lược phương Tây cho rằng quốc gia nào kiểm soát được quần đảo Trường Sa sẽ khống chế được cả Biển Đông. Chính vì thế nên không quốc gia nào muốn từ bỏ lợi ích ở Biển Đông dù phải trả bất cứ giá nào.

Biển Đông một vấn đề đặc biệt nhạy cảm và mang tính thời sự trong nhiều năm trở lại đây, có liên quan đến sự tranh chấp lợi ích và can thiệp lợi ích của hầu hết các nước trong khu vực: Việt Nam, Philippines, Indonesia, Malaysia, Thái Lan, Campuchia, Brunei và cả với các nước và lãnh thổ ngoài khu vực, chẳng hạn như Mỹ, Nhật Bản, Đài Loan. Riêng Việt Nam đang phải chịu ảnh hưởng, tác động, trực tiếp đương đầu với nhiều thử thách không chỉ là cách ứng xử thông thường của một quốc gia mà là vấn đề quan hệ quốc tế hết sức phức tạp. Do đó, việc giải quyết các vấn đề tranh chấp về

---

<sup>3</sup> Theo đánh giá của Bộ Năng lượng Mỹ, lượng dự trữ dầu đã được kiểm chứng ở Biển Đông là 07 tỉ thùng với khả năng sản xuất 2,5 triệu thùng/ngày. Theo đánh giá của Trung Quốc, trữ lượng dầu khí ở Biển Đông khoảng 213 tỉ thùng, trong đó trữ lượng dầu tại quần đảo Trường Sa có thể lên tới 105 tỉ thùng. Trữ lượng và sản lượng dầu khí của Việt Nam đứng vào hạng trung bình trong khu vực, tương đương Thái Lan và Malaysia. Tổng trữ lượng dự báo địa chất về dầu khí của toàn thềm lục địa Việt Nam đạt xấp xỉ 10 tỉ tấn dầu qui đổi, trữ lượng khai thác khoảng 02 tỉ tấn và trữ lượng dự báo của khí khoảng 1.000 tỉ mét khối (*Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam đến 2020 do Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì thực hiện, dự thảo tháng 11/2004.*)

<sup>4</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế biển và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội, 2005.

Biển Đông, xây dựng các quan hệ hợp tác trong việc khai thác và kiểm soát ở Biển Đông sẽ đem lại lợi ích cho các nước có liên quan và góp phần làm hòa dịu các vấn đề của khu vực.

Sự khuấy động lớn nhất xuất phát từ các tuyên bố chủ quyền của Trung Quốc đối với hai quần đảo lớn trên Biển Đông là quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cũng như vùng lãnh hải trên Biển Đông, là một trong những tuyên bố gây trở ngại nhất trong quan hệ giữa Trung Quốc và ASEAN, đặc biệt là với Việt Nam. Những tranh cãi xung quanh vấn đề chủ quyền làm Biển Đông ngày càng nóng lên. Về quần đảo Hoàng Sa, sau trận hải chiến giữa lực lượng hải quân chính quyền Miền Nam Việt Nam và hải quân Trung Quốc vào tháng 1/1974, quần đảo này hoàn toàn bị Trung Quốc chiếm đóng. Năm 1958, Trung Quốc tiếp tục đưa ra tuyên bố xác định lãnh thổ biển của họ gồm cả quần đảo Trường Sa dựa trên vị trí lịch sử. Trong các năm sau đó, với chiến thuật "gặm nhấm", "tầm ăn lá dâu", Trung Quốc chiếm thêm một số đảo ở Trường Sa. Nghiêm trọng hơn, hai bên đã xảy ra vụ đụng độ quân sự ở Trường Sa vào năm 1988, ảnh hưởng xấu đến quan hệ Việt - Trung. Sau này, Trung Quốc cho rằng quần đảo Hoàng Sa, Trường Sa đã từng là một phần thuộc Trung Quốc trong gần 2.000 năm và đưa ra các thư tịch cổ có nhắc tới quần đảo Trường Sa và những mảnh vỡ đồ gốm, tiền, thậm chí cả hài cốt người Trung Quốc cổ được tìm thấy ở đó để chứng minh, mặc dù tính xác thực của nó là điều khó chấp nhận.

Các nước có liên can đến tranh chấp ở Biển Đông với Việt Nam, chủ yếu là chủ quyền ở quần đảo Trường Sa gồm: Đài Loan (Trung Hoa Dân Quốc), Philippines, Malaysia và Brunei, đều cho là mình có chủ quyền đối với toàn bộ hoặc một phần của quần đảo.

Philippines vốn là nước không có quyền gì đối với quần đảo Trường Sa vì theo Hiệp định Paris kí năm 1898 giữa Mỹ và Tây Ban Nha thì Tây Ban Nha giao Philippines cho Mỹ đã xác định phạm vi quần đảo Philippines trên bản đồ kèm theo Hiệp định không bao gồm một phần đảo nào của quần đảo Trường Sa. Từ năm 1951, Philippines bắt đầu chuẩn bị dư luận để nhảy vào tranh chấp quần đảo Trường Sa với lời tuyên bố của Tổng thống Philippines Quirino rằng quần đảo Spratly (tức Trường Sa) phải thuộc về Philippines vì nó ở gần Philippines. Từ năm 1971-1978, Philippines cho quân đội ra chiếm đóng một số đảo ở phía bắc quần đảo Trường Sa. Đầu năm 1979, Philippines công bố sắc lệnh của Tổng thống Marcos ký ngày 11/6/1978 coi toàn bộ quần đảo Trường Sa (trừ đảo Trường Sa) là lãnh thổ Philippines và đặt tên cho quần đảo là Kalayaan<sup>5</sup>.

---

<sup>5</sup> Nhiều tác giả, *Bàn tròn tranh luận: Cuộc chiến pháp lý mới liên quan đến Đường lưỡi bò*, (<http://nghiencuubiendong.vn>, ngày 17/5/2011); [http://vi.wikipedia.org/wiki/Bi%E1%BB%83n\\_%C4%90%C3%B4ng#Tuy.C3.AAn\\_b.E1.BB.91\\_1.C3.A3nh\\_h.E1.BA.A3i](http://vi.wikipedia.org/wiki/Bi%E1%BB%83n_%C4%90%C3%B4ng#Tuy.C3.AAn_b.E1.BB.91_1.C3.A3nh_h.E1.BA.A3i)

Đài Loan cũng chiếm được một số đảo trong đó có đảo Ba Bình là đảo lớn nhất Trường Sa. Đảo này bị Đài Loan chiếm đóng năm 1956. Nơi đây biến thành một căn cứ quân sự, có đường băng tiếp tế và bị nhiều nước lên tiếng phản đối.

Đài Loan tuyên bố chủ quyền lên cả toàn bộ quần đảo, kể cả Hoàng Sa và Trường Sa. Điều đó cho thấy Đài Loan có tham vọng lớn ở Biển Đông. Mặc dù, Đài Loan hầu như ít can dự đến các hoạt động chính trị Đông Nam Á, chỉ tăng cường đầu tư về mặt kinh tế và hiện đang đóng vai trò quan trọng trong kinh tế đối ngoại với nhiều nước, trong đó có Việt Nam, tuy nhiên cách ứng xử của Đài Loan mang một sắc thái chủ động theo kiểu dựa dẫm, một bên Mỹ là đồng minh lâu đời, cũng như chủ nghĩa Đại Hán khiến Trung Quốc rất ít khi lên tiếng về chủ quyền Đài Loan trên Biển Đông<sup>6</sup>.

Với vị thế là một cường quốc lớn thế giới, trong lịch sử đã từng kiểm soát Biển Đông trong Chiến tranh thế giới thứ hai và Chiến tranh Việt Nam, Mỹ vắng mặt thời gian dài sau năm 1975. Hiện nay, xu thế quay trở lại vùng biển này được chính quyền Obama đương nhiệm tích cực thực hiện. Các nước lớn khác như Nhật Bản, Ấn Độ cũng đưa ra các quan điểm chính trị và các động thái về vấn đề Biển Đông bởi vùng biển này gắn đến nhiều lợi ích của các nước.

## **2. Bàn về chiến lược các quốc gia trong khu vực về vấn đề Biển Đông**

Biển Đông hiện đặt ra nhiều mối quan ngại cho các nước ASEAN có liên quan đến vùng biển. Các mối quan ngại chủ yếu xuất phát từ chiến lược và hành động của Trung Quốc khi quốc gia này ngày càng có nhiều tham vọng trên Biển Đông, vấn đề ứng xử giữa các nước, hiện tượng chạy đua vũ trang trong khu vực và sự quay trở lại của Mỹ ở Đông Nam Á. Và dường như, những thỏa hiệp để đi đến một cam kết cuối cùng cho tranh chấp lãnh hải này còn là điều quá xa vời cho các nước.

Mỗi nước liên quan đều có những chiến lược riêng, cách ứng xử, giải quyết khác nhau. Tuy nhiên nhìn chung chưa có sự thống nhất với nhau trong vấn đề san sẻ lợi ích Biển Đông. Việc giải quyết Biển Đông phát sinh nhiều tồn tại, nếu đem hệ thức phân chia phạm vi ảnh hưởng thì Biển Đông đang có một khoảng trống quyền lực, đó là một

---

<sup>6</sup> Đài Loan về mặt chính trị, an ninh có mâu thuẫn với Trung Quốc, tuy nhiên trên thực tế hợp tác kinh tế giữa hai nước diễn ra rất êm đẹp. Trung Quốc lục địa vẫn chiếm phần lớn trong các dòng đầu tư ra bên ngoài cũng như thương mại của Đài Loan. Năm 2006 thương mại Đài Loan với Trung Quốc lục địa chiếm đến 20,65% tổng thương mại của Đài Loan, trong khi thương mại với ASEAN chỉ chiếm 12,8%. Theo số liệu thống kê của Ủy ban Đầu tư thuộc Bộ Kinh tế Đài Loan, tổng đầu tư vào Trung Quốc lục địa từ 1991 đến 5/2007 là 58 tỷ USD, chiếm khoảng 55,23% tổng đầu tư ra nước ngoài của Đài Loan trong suốt thời kỳ đó. Trong khi đó, đầu tư của Đài Loan vào 4 nước ASEAN là Singapore, Việt Nam, Thái Lan và Philippines chỉ chiếm 6,36%<sup>6</sup>. Thành công của kinh tế Đài Loan đem lại ảnh hưởng tích cực cho Trung Quốc. Lượng hàng xuất khẩu của Trung Quốc do các công ty Đài Loan sản xuất chiếm đến 40% - 80% và theo một thông tin không chính thức hiện có khoảng 1 triệu người Đài Loan sống và làm việc tại Hoa lục (Theo Anh Vũ (2005), Vị thế kinh tế của Đài Loan, Báo Sài Gòn giải phóng, thứ 7, 13/5).

biểu hiện thông thường của một khu vực cần có sự “chủ trì, điều khiển và định hướng” của một cường quốc có tiếng nói trên trường quốc tế. Khoảng trống này đang dần được lấp bởi một trong hai nước lớn là Trung Quốc hoặc Mỹ hoặc là sự phân chia phạm vi ảnh hưởng (ở đây là phân lợi chia đôi) có tính chất thông lệ trong lịch sử quan hệ quốc tế.

Quốc gia cần bàn đến đầu tiên phải nói đến Trung Quốc với những tham vọng bá chủ mặt biển, là nguồn cơn gây nên những biến động trên Biển Đông từ thập kỉ 70 của thế kỉ XX cho đến nay. Những động thái của Trung Quốc làm cho tình hình Biển Đông ngày càng trở nên nghiêm trọng đến mức báo động. Bước vào thế kỉ XXI, Trung Quốc liên tiếp thực hiện các chính sách đầy tham vọng với ý đồ răn đe các nước trong khu vực như tăng cường các lực lượng trên biển và sự hoạt động của 6 lực lượng kiểm soát và hành động trên biển gồm Cảnh sát biển, Cơ quan An toàn Hàng hải, Tổng cục Hải quan, Cơ quan Hải dương, Hải quân, Lực lượng Ngư chính,... Đặc biệt là Trung Quốc đang triển khai chiến lược mới hiện đại hóa và tăng cường sức mạnh của Hải quân (PLAN). Nước này đã hiện đại hóa ba hạm đội của họ là hạm đội Đông Hải (có tổng hành dinh đặt ở Thượng Hải), hạm đội Nam Hải (tổng hành dinh: Trạm Giang) và hạm đội Bắc Hải (Thanh Đảo). Năm 2010, hải quân Trung Quốc chiếm vị trí số một ở châu Á khiến cho chính Mỹ cũng phải lo âu: với 225 ngàn người và hơn 950 tàu chiến gồm ít nhất 58 tàu ngầm (trong số đó có sáu tàu chạy bằng năng lượng hạt nhân), hơn 50 tàu diệt ngư lôi, ít nhất 27 tàu khu trục... Về trọng tải, hải quân Trung Quốc đứng thứ ba trên thế giới (với 1,34 triệu tấn)<sup>7</sup>.

Đồng thời Trung Quốc tuyên bố thành lập huyện đảo Tam Sa, Đường lưỡi bò 9 điểm, cho tàu xâm nhập lãnh hải Việt Nam, Philippines và một số nước khác, hoàn thiện các căn cứ quân sự như căn cứ tàu ngầm hạt nhân Hải Nam, hạ thủy hàng không mẫu hạm Thi Lang trong tháng 7/2011... đã gây nên làn sóng chạy đua vũ trang ngầm giữa các nước. Chẳng hạn, một ngày sau khi chiếc Thi Lang chính thức được hạ thủy, trên trang web của Bộ Quốc phòng Trung Quốc<sup>8</sup>, Guo Jianyue của nhật báo Quân Đội Giải Phóng Nhân Dân Trung Quốc đã không kiềm chế được lòng mình bình luận rằng: *“Đóng tàu sân bay để làm gì nếu chúng ta không có đủ dũng cảm và quyết tâm sử dụng nó để giải quyết các tranh chấp lãnh thổ? Việc sử dụng tàu sân bay hay bất cứ loại tàu chiến nào để giải quyết tranh chấp là hợp lý. Đóng tàu sân bay là để bảo vệ quyền lợi hàng hải và các lợi ích khác của Trung Quốc một cách hiệu quả hơn. Chúng ta sẽ tự tin và quyết tâm hơn trong việc bảo vệ toàn vẹn lãnh thổ sau khi có được tàu sân bay”*<sup>9</sup>.

Những hành động trên của Trung Quốc được lí giải bởi tham vọng mưu đồ làm

---

<sup>7</sup> Nguyễn Thanh, *Hải quân Trung Quốc và chiến lược biển xa*, Báo Sài Gòn tiếp thị, Tp. Hồ Chí Minh, 2011.

<sup>8</sup> Web: [jz.chinamil.com.cn](http://jz.chinamil.com.cn)

<sup>9</sup> Danh Đức, *Tàu sân bay thế kỉ XXI*, Báo Tuổi trẻ 16/8/2011

bá chủ Biển Đông trong hoàn cảnh Biển Đông ngày càng có giá trị về mặt chiến lược. Mới đây tác giả, Christina Lin (Mỹ) đã đưa ra quan điểm về “con đường tơ lụa trên biển mới” của Trung Quốc được dư luận quốc tế chú ý. Theo Christina Lin, Trung Quốc đang xây dựng các mối quan hệ với các nước Kazakhstan, Turkmenistan, Iran, Thổ Nhĩ Kỳ, Arab Xeut... qua việc buôn bán vận chuyển dầu mỏ, lập một vành đai ở sườn Đông Nam của NATO với những tham vọng ở Caspi, Vùng Vịnh. Và để bảo đảm an toàn và bền vững cho con đường vận chuyển này, Trung Quốc phải kiểm soát được Biển Đông hay ít ra chi phối được vùng biển này.

Giới phân tích chính trị châu Á cho rằng Trung Quốc đang khởi động ý định kiểm soát tuyến vận chuyển hàng hải trên Biển Đông và áp đặt quyền lực một nước lớn lên các nước Đông Nam Á. Vấn đề đặc biệt được chú ý khi có những phát hiện thăm dò có túi dầu ở Biển Đông, trong đó khu vực Trường Sa là tâm điểm. "Cơn khát dầu" của thế giới đang tăng từng ngày và càng khát hơn với con "rồng ngủ đang vươn mình Trung Quốc" muốn xây dựng một nền đại công nghiệp mà hằng năm tiêu tốn mất 8% lượng dầu thế giới khai thác được. Chủ nghĩa bá quyền nước lớn là lập trường của giới lãnh đạo Bắc Kinh muốn vươn cánh tay quyền lực bao trùm Biển Đông mà ít nhất là trùm lên một vài nước láng giềng như Việt Nam.

Cũng có ý kiến cho rằng, sở dĩ Trung Quốc hành động như vậy là do sự cạnh tranh muốn kiềm chế lẫn nhau giữa Mỹ và Trung Quốc. Hai chiến lược biển, hai hành động bày tỏ của hai nước lớn trước vấn đề Biển Đông, nơi can dự tới nhiều lợi ích của cả Mỹ và Trung Quốc. Chính vì vậy, các động thái răn đe từ xa của Trung Quốc đã tỏ ra cứng rắn để thử phản ứng của Mỹ trong vấn đề này.

6 nước ASEAN và Trung Quốc đã đạt được một tiến bộ nhỏ trong việc giải quyết các tuyên bố chủ quyền tại các vùng chồng lấn thuộc 2 quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa. Qua việc ký kết tuyên bố về quy tắc ứng xử trên Biển Đông (DOC) giữa ASEAN với Trung Quốc năm 2002 như một cách nhằm giảm bớt căng thẳng và hướng đến những giải pháp hòa bình, tôn trọng chủ quyền của nhau căn cứ trên luật biển quốc tế. Tuy vậy, các cuộc đàm phán sau đó nhằm đưa ra các quy định mang tính cố định, chi phối ứng xử của các nước lại không tỏ ra thành công. Một phần do ASEAN quá bị chia rẽ để có thể hành động theo một hướng chung. Trong khi, Trung Quốc sử dụng sách lược “bẻ đũa từng chiếc”, cố tách các nước yếu hơn ra và ngăn chặn một lập trường chung, kiên định về Biển Đông của ASEAN.

Tuy nhiên, đặc điểm nội tình an ninh của ASEAN vẫn còn nhiều điều đáng bàn, mà có lẽ điều đáng bàn nhất là hợp tác an ninh trong khu vực này còn hạn chế và bị chi phối quá nhiều từ các nước lớn trong khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Trong lịch sử, các nước này có rất ít những liên minh, những đoàn kết để chống lại các mối đe dọa từ bên ngoài. ASEAN là một hiệp hội mang tính kinh tế - chính trị hơn là an ninh, quân sự. Các tổ chức diễn đàn như *Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)* và *Cộng đồng an ninh ASEAN (ASC)* chưa mang lại những hợp tác bền vững và gắn kết trong một mối quan

hệ lợi ích giữa các nước. Diễn đàn khu vực ASEAN (ARF)<sup>10</sup> được thành lập năm 1994 nhằm thúc đẩy cơ chế đối thoại và tham vấn về các vấn đề an ninh và chính trị trong khu vực, xây dựng lòng tin và phát triển ngoại giao phòng ngừa. Tiếp sau đó, Cộng đồng an ninh ASEAN (ASC) ra đời, là một trong ba trụ cột của cộng đồng ASEAN được các nhà lãnh đạo các quốc gia thành viên ASEAN chấp thuận tại Hội nghị cấp cao ASEAN lần thứ chín năm (2003). ASC, như tuyên bố sẽ không phải là một liên minh quân sự hay một hiệp ước phòng thủ. Như vậy, để tạo ra một liên minh quân sự trong khu vực Đông Nam Á là một điều chưa có tiền lệ và không thể thực hiện. Hợp tác an ninh trong ARF và ASC cho thấy: “*hình hài*” của ASEAN những năm đầu thế kỉ XXI: *vẫn là một hiệp hội và mang tính hiệp hội*”<sup>11</sup>. Các quốc gia trong một chừng mực nào đó chưa thật sự đoàn kết, sát lại cùng nhau để có sự thỏa hiệp ứng phó trước các tình huống từ bên ngoài. Những tổ chức quân sự mà một số nước tham gia chỉ mang tính thời cơ nhất thời. Hình thức chính của các nước này là liên minh tương trợ quân sự có tính tay đôi để cứu cánh trong những trường hợp cần thiết. Quá trình hoạt động của ARF và ASC dường như không đạt được kết quả gì đáng kể trong việc xây dựng một cộng đồng chiến lược. Những nỗ lực nhằm triển khai những biện pháp xây dựng cơ chế ngoại giao ngăn ngừa cũng như điều hòa các xung đột vẫn còn ở giai đoạn trứng nước và cần được xúc tiến trong tương lai.

Đặc điểm lịch sử lớn của khu vực chính là sự cạnh tranh với nhau về sự phát triển và vị thế chính trị; sự chịu ảnh hưởng lớn từ các yếu tố bên ngoài, nhất là các nước lớn. ASEAN, chịu sự “chia sẻ” quyền lợi không mong muốn từ bên ngoài, cho nên khó đạt được sự đồng thuận trong vấn đề an ninh khi mỗi nước chơi những nước cờ riêng với sự hậu thuẫn của những cỗ pháo tầm xa.

Trong khi đó, Trung Quốc lại dùng “quyền lực mềm” để chi phối khu vực. Trung Quốc chưa bao giờ từ bỏ khu vực có quá nhiều lợi ích chiến lược giành cho mình. Cùng với việc Mỹ thể hiện sức mạnh quân sự trong thời gian gần đây, Trung Quốc đã và đang thể hiện một hình ảnh trái ngược, một cường quốc ủng hộ hòa bình và thịnh vượng, mong muốn xây dựng một thế giới hài hòa. Tuy nhiên, việc Trung Quốc tăng chi tiêu quốc phòng trong thời gian gần đây cũng làm cho nhiều nước nghi ngại trước sức mạnh “cứng” tăng lên của Trung Quốc. Đông Nam Á được coi là mục tiêu đỏ trong chiến lược hướng Nam của Trung Quốc. Để tạo ảnh hưởng sâu rộng tại đây, Trung Quốc đã kết hợp nhiều chiêu bài sức mạnh khác nhau, trong đó sức mạnh mềm vẫn được xác định là con bài chiến lược phục vụ cho quá trình xâm nhập và dần thâm thấu khu vực này. Việc thiết

---

<sup>10</sup> ARF bao gồm 25 quốc gia có cùng mối quan tâm đến an ninh khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. Đó là 10 quốc gia thành viên của ASEAN 10 nước đối tác đối thoại của ASEAN (trong đó có Mỹ, Trung Quốc, Ấn Độ, Nhật Bản...).

<sup>11</sup> Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn, *Trật tự thế giới sau Chiến tranh Lạnh phân tích và dự báo*, Hà Nội, 2001, tr. 389.

lập quyền lực mềm tạo tính bền vững cho vị thế cường quốc của Trung Quốc ở Đông Nam Á sẽ là nền móng cơ bản quan trọng cho tiến trình vươn rộng ra thế giới trong tương lai. Mặc dù, Thái Bình Dương từ lâu được xem như là vùng ảnh hưởng của Mỹ, nhưng giờ đã hơi đổi khác. Tiếng nói của Trung Quốc rõ ràng có trọng lượng hơn - có ảnh hưởng hơn trong những vấn đề hàng hải ở tây Thái Bình Dương và rất có thể vượt xa ngoài khu vực đó nữa.<sup>12</sup>

Tuy nhiên, Trung Quốc luôn tạo ra những “hoài nghi” lớn ở khu vực, sử dụng chính sách khiêu khích trên biển đối với một số nước, làm tình hình thêm nghiêm trọng. Đặc biệt là đối với Việt Nam, chuyện những con “tàu lạ” đi lại trên vùng biển thuộc chủ quyền Việt Nam không còn là sự xa lạ nữa. Những vị khách không mời ấy thật sự đến không vì tấm lòng thành mà bằng những toan tính.

Những hành động trong thời gian từ tháng 5 đến tháng 7/2011 của Trung Quốc trong thời gian vừa qua ở các vùng biển của Việt Nam đã vi phạm nghiêm trọng quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam đối với thềm lục địa và vùng đặc quyền kinh tế của mình, vi phạm Công ước Luật biển năm 1982 của Liên Hợp Quốc, trái với tinh thần và những lời lẽ của Tuyên bố về cách ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) ký giữa ASEAN và Trung Quốc năm 2002. Việt Nam vẫn duy trì con đường đàm phán, hòa bình để đi đến những thỏa thuận vẹn cả đôi đường.

Việt Nam đã tỏ thái độ phản ứng, đồng thời thể hiện quan điểm bảo vệ hòa bình, hướng các tranh chấp đi đến những thỏa thuận chung và tránh xung đột. Điều này được chứng minh tại Hội nghị An ninh châu Á lần thứ 10 (Đối thoại Shangri-La 10) vào tháng 6/2011 ở Singapore với chủ đề “*Ứng phó với các thách thức an ninh biển mới*”. Bộ trưởng Quốc phòng Việt Nam Phùng Quang Thanh đã có bài phát biểu quan trọng với nhận định: “*Là một quốc gia biển, trải qua nhiều cuộc chiến tranh, chúng tôi thấu hiểu giá trị của hòa bình và ổn định cho xây dựng và phát triển đất nước. Chính vì vậy, chính sách quốc phòng của Việt Nam là hoà bình và tự vệ ...*”<sup>13</sup>.

Mặt khác, ngày 21/7/2011, tại Bali – Indonesia, trong khuôn khổ cuộc gặp cấp cao AMM 44, ASEAN và Trung Quốc đã đạt được Bản Quy tắc hướng dẫn thực hiện Tuyên bố về cách ứng xử của các bên trên Biển Đông (gọi tắt Quy tắc Hướng dẫn DOC). Đây được xem là nỗ lực của các bên liên quan trong việc kiểm chế và quản lý các tranh chấp trên Biển Đông, đang trở nên căng thẳng và thu hút sự quan tâm đặc biệt của Cộng đồng quốc tế.

Đối với khu vực châu Á – Thái Bình Dương, Mỹ vẫn là một cường quốc có sự

---

<sup>12</sup> Peter Brookes, *The Great Wall goes to sea - China's naval renewal raises critical questions for the world*, Armed forces journal, 2010.

<sup>13</sup> Thục Minh, *Giữ gìn hòa bình, ổn định trên Biển Đông*, Báo Thanh Niên 6/6/2011.



chi phối và ảnh hưởng. Suốt một thời gian dài kể từ sau Chiến tranh Việt Nam, hướng trọng tâm chiến lược quốc tế của Mỹ chuyển sang các khu vực khác, Biển Đông dần rơi vào “khoảng trống quyền lực” khi hầu hết lực lượng Hải quân đồn trú tại các căn cứ quân sự của Mỹ dần rút đi sang các chiến trường khác. Khu vực Biển Đông nằm trong sự giám sát của Hạm đội 7, nhưng trọng tâm hoạt động của Hạm đội này lại là Nhật Bản và Đài Loan. Mỹ chỉ duy trì các căn cứ lẻ tẻ ở Philippines, Singapore, Thái Lan. Trong tình hình đó, Trung Quốc kể từ cuối thập niên 1970 bắt đầu mở cửa, ra sức phát triển tiềm lực. Bắc Kinh có chiến lược phát triển tiềm lực quân sự quốc gia hết sức quy mô, và hải quân là một hướng chính của chiến lược đó. Sự nổi lên của Trung Quốc với khả năng có thể biến Biển Đông thành một “cái ao nhà” khiến Mỹ chú ý. Mặt khác, Trung Quốc không ngừng khuyến khích tiềm năng quân sự của mình, cũng như che giấu các khoản chi tiêu và phát triển quân sự trong với chính sách hạn chế rò rỉ thông tin. Điều này đã khiến các quốc gia ASEAN lo ngại, dẫn đến một cuộc chạy đua vũ trang ngầm ngầm giữa các nước trong khu vực. Theo Viện nghiên cứu Hòa bình quốc tế Stockholm, các đơn hàng vũ khí tới Đông Nam Á đã tăng gần gấp đôi trong các năm 2005-2009 so với 2000-2004. Riêng Malaysia tăng 722%, Singapore tăng 146% và Indonesia tăng 84%<sup>14</sup>. Vào cuối tháng 7/2011, chính phủ Philippines đề nghị Quốc hội tăng ngân sách quốc phòng từ 117 triệu USD lên 183 triệu USD<sup>15</sup>. Dù thế, chi tiêu quốc phòng của Đông Nam Á cũng có thể gây nên sự quan ngại và bất ổn đối với an ninh khu vực.

Kể từ khi Tổng thống Barack Obama lên cầm quyền, Mỹ chuyển hướng chú ý và cải thiện được chỗ đứng của mình tại khu vực. Việc Mỹ tham gia Hiệp ước Thân thiện và Hợp tác ở Đông Nam Á (TAC) 2009 và cử đại sứ đến ASEAN đã đưa ra một động thái chiến lược mới của Mỹ ở Đông Nam Á. Mỹ ngày càng quan tâm đến Biển Đông và coi đây là một cơ hội để khôi phục ảnh hưởng và giành lại vai trò chủ đạo ở Đông Á. Ngày 15/7/2009, Tiểu ban về Đông Á và Quan hệ Thái Bình Dương của Ủy ban về Ngoại giao của Thượng viện Mỹ đã tổ chức cuộc điều trần về “các vấn đề lãnh hải và tranh chấp chủ quyền ở Đông Á”. Tiếp đó, Ngoại trưởng Mỹ Hillary Clinton tham dự Hội nghị ARF 17 tại Hà Nội tuyên bố rằng Mỹ có “lợi ích chiến lược” trong việc chứng kiến các tranh chấp lãnh thổ được giải quyết thông qua “*tiến trình ngoại giao hợp tác của tất cả các bên tuyên bố chủ quyền*”<sup>16</sup>. ARF 17 hé mở khuynh hướng khu vực hóa, quốc tế hóa hồ sơ Biển Đông, biến tranh chấp Biển Đông dần trở thành một trong những chủ đề thời sự nóng, thu hút dư luận quốc tế. Lần đầu tiên, an ninh ở

---

<sup>14</sup> Quốc Thái biên dịch từ Australian Strategic Policy Institute, *An ninh Đông Nam Á đang thay đổi phức tạp*, <http://vietnamdefence.com/Home/phantich/An-ninh-Dong-Nam-A-dang-thay-doi-phuc-tap/201010/49702.aspx>, 2010.

<sup>15</sup> Nguyễn Thanh, *Hải quân Trung Quốc và chiến lược biển xa*, Báo Sài Gòn tiếp thị, Tp. Hồ Chí Minh, 2011.

<sup>16</sup> Robert Gate, Remark at the 9<sup>th</sup> IISS Asia Security Summit, The Shangri-La Dialogue, June 2010 (dẫn lại từ Đỗ Thanh Hải-Nguyễn Thùy Linh, *Phản ứng của các nước và cục diện an ninh mới ở Biển Đông*. (<http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-vietnam/1462-phan-ung-cua-cac-nuoc-va-cuc-dien-an-ninh-moi-o-bien-dong>), 2010.

khu vực Biển Đông đã được công khai tranh luận tại một diễn đàn đa phương với sự tham dự của 27 quốc gia. Sự hiếu chiến của Trung Quốc đã góp phần đẩy Mỹ và Đông Nam Á xích lại gần nhau hơn. Mỹ và Việt Nam đã tổ chức đối thoại về chính sách quốc phòng tại Hà Nội ngày 19/8/2010 và được đánh giá là một bước ngoặt trong các mối quan hệ giữa hai nước.

Xét về các lợi ích an ninh và chiến lược, ASEAN có hai trong số năm đồng minh của Mỹ ở châu Á là Philippines và Thái Lan. Singapore hợp tác rất chặt chẽ với Mỹ, tạo sự tiếp cận quan trọng với các phương tiện quân sự. Các nước đạt được quan hệ đồng minh với Mỹ, có liên quan đến các hoạt động quân sự hoặc được Mỹ bảo hộ an ninh có tính truyền thống. Những đồng minh thân cận kể từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 đến nay, vượt qua nhiều giai đoạn lịch sử biến động của khu vực và thế giới vẫn đứng vững, bền bỉ bên Mỹ. Một số nước từng tham gia các liên minh do Mỹ cầm đầu như SEATO (Thái Lan, Philippines), các hiệp ước tay đôi với Mỹ cũng được kí kết với các bên. Đây không phải là mối quan hệ dựa hơi mà là mối quan hệ chiến lược, ảnh hưởng đến cục diện thế giới sau chiến tranh Lạnh.

Mỹ là một cường quốc đang mong muốn sự có mặt của mình tại khu vực này. Các cuộc diễn tập hải quân được tăng cường trong mấy năm trở lại đây với các diễn tập song phương. Đặc biệt, diễn tập CARAT là một cuộc diễn tập hải quân được tiến hành thường niên bao gồm một loạt các cuộc diễn tập huấn luyện song phương giữa Mỹ với nhiều quốc gia Đông Nam Á bao gồm Brunei, Campuchia, Malaysia, Philippines, Singapore, Thái Lan và Indonesia. Gần đây Việt Nam cũng được ngỏ lời mời, nhằm tăng cường các mối quan hệ và cải thiện khả năng sẵn sàng chiến đấu của các lực lượng tham gia. Riêng với Đài Loan thì điều này rất đối bình thường, khi Mỹ luôn là đồng minh bảo hộ Đài Loan trước “con bão đại lục”. Mỹ vẫn duy trì một hạm đội thường trực lớn nhất thế giới tại Vùng Châu Á Thái Bình Dương gần Đài Loan là hạm đội hiện đóng tại Nhật Bản.

Một số nước lớn khác trong khu vực như Ấn Độ, Nhật Bản và Australia từ lâu cũng đã có những dự định trong việc khai thác các lợi ích ở Biển Đông. Các nước này đã có những hành động về hải quân trên Biển Đông cũng như các hoạt động hợp tác quân sự và kinh tế khác.

Đầu tiên phải kể đến Nhật Bản, là một chủ thể chính trị quan trọng khác đã can dự vào vấn đề Biển Đông, mặc dù là khá muộn màng nhưng tương lai sẽ có những tác động tích cực đến diễn biến ở khu vực. Nguyên do, Nhật Bản chịu sự phụ thuộc vào nguồn năng lượng quan trọng nhất là dầu mỏ, chủ yếu đi qua tuyến đường vận chuyển trên Biển Đông để tới được lãnh thổ mình. Mặt khác có tới 99% lượng hàng hóa Nhật Bản xuất khẩu đi các nơi cũng dựa vào tuyến đường biển chủ yếu dựa vào tuyến đường qua Biển Đông. Nếu để tàu thuyền chở hàng đi chuyển qua Philippines theo tuyến hải

trình phía đông, nó sẽ làm cho giá thành hàng hóa thành phẩm của Nhật Bản tăng lên từ 2 đến 5%<sup>17</sup>. Do đó, tuyến đường hàng hải trên Biển Đông được Nhật Bản nhìn nhận đánh giá là “tuyến đường sinh tử” trên biển. Trong “Sách trắng Quốc phòng Nhật Bản năm 1983” đã lần đầu tiên đưa ra nguyên tắc: “*Hàng trăm hải lý xung quanh Nhật Bản, và khoảng 1000 hải lý trên tuyến đường biển trong khu vực là thuộc phạm vi phòng thủ địa lý của Nhật Bản*”<sup>18</sup>. Năm 1995, Nhật Bản bắt đầu có thái độ khai thác, can thiệp chính trị khi có sự kiện bùng phát tranh chấp giữa Trung Quốc – Philippines - Mỹ xung quanh dải đá ngầm Mischief Reef (dải Vành Khăn của Việt Nam). Nhật Bản kỳ vọng sẽ học hỏi được kinh nghiệm xử lý đối phó với Trung Quốc từ những tranh chấp trên Biển Đông, đồng thời còn muốn dùng những tranh chấp này để khống chế Trung Quốc.

Năm 2010, sau khi Hoa Kỳ ra tuyên bố Biển Đông, Nhật Bản cũng bắt đầu có hoạt động can thiệp, bày tỏ quan điểm. Hàng loạt những hành động trên tất nhiên không phải do tình cờ, điều này vốn có quan hệ mật thiết với chính sách hải dương của Nhật Bản bấy lâu nay vẫn nhằm vào Trung Quốc. Trọng tâm chiến lược hải dương của Nhật Bản trong tương lai tại Đông Hải và Thái Bình Dương sẽ là tiếp tục mở rộng, nhưng cũng sẽ dựa trên nhiều yếu tố quan trọng khác như, an toàn hàng hải của bản thân Nhật Bản, kiềm chế thế lực của Trung Quốc, ngăn chặn Trung Quốc mở rộng ảnh hưởng, đòi hỏi về hải quyền và đàm phán với Trung Quốc về chủ quyền tại Đông Hải. Nhật Bản cũng sẽ tiếp tục thực hiện liên minh với Hoa Kỳ, lôi kéo Việt Nam, và còn diễn vai trò của một nước thứ ba “thả câu” từ bên ngoài. Nếu ASEAN tranh thủ được Nhật Bản trong vấn đề Biển Đông thì đó chính là một quyết sách khôn ngoan. Lịch sử đã cho thấy, trong suốt tiến trình lịch sử của mình, Nhật Bản và Trung Quốc luôn là hai kẻ đối đầu trong nhiều vấn đề quốc tế, là khắc tinh của nhau trong diễn biến khu vực.

Bên cạnh đó, Ấn Độ với sự tham gia của lực lượng Hải quân khá hùng hậu, đang tiệm cận về khu vực Tây Thái Bình Dương, bao gồm Biển Đông. Liên quan vấn đề chủ yếu xuất phát từ việc Singapore mời Ấn Độ tham gia các cuộc tập trận SIMBEX. Tập trận SIMBEX được bắt đầu từ năm 1994 như một cuộc huấn luyện tập trung cho các cuộc tập trận chống tàu ngầm và từ đó ngày càng được tăng cường về quy mô cũng như mức độ phức tạp của cuộc tập trận, đồng thời nhấn mạnh các mối quan hệ quốc phòng giữa Hải quân Singapore và Hải quân Ấn Độ.

Trong đợt tập trận SIMBEX năm 2011 kéo dài khoảng 1 tuần. Hải quân Ấn Độ đã phái 3 tàu khu trục hàng đầu tham gia. Một máy bay liên lạc trên biển và gần 1.400 lính thủy Ấn Độ đã tham gia cuộc tập trận. Hải quân Singapore phái 4 tàu chiến, một

---

<sup>17</sup>Trang Ngọc Hoa, *Vai trò của Nhật Bản trong vấn đề Biển Đông*, Viện Nghiên cứu các Vấn đề Quốc tế Trung Quốc – China Institute of International studies, (<http://nghiencuubiendong.vn>), 2011.

<sup>18</sup> Xem “*Sách trắng Quốc phòng Nhật Bản*”. Bản in năm Triệu Hòa thứ 58 ([http://www.clearing.mod.go.jp/hakusho\\_data/1983/w1983\\_03.html](http://www.clearing.mod.go.jp/hakusho_data/1983/w1983_03.html))

tàu ngầm và một số máy bay chiến đấu F-16<sup>19</sup>.

Nếu ASEAN cùng chung một tiếng nói, cùng chung lập trường, quan điểm giải quyết; sự can thiệp của Mỹ trong việc kiềm chế sức mạnh của Trung Quốc, thì rõ ràng, an ninh Biển Đông sẽ đi theo những chiều hướng tốt đẹp, tránh dẫn đến xung đột quân sự không có lợi trong môi trường quan hệ quốc tế hiện nay.

### **3. Kết luận**

Dưới góc độ quan hệ quốc tế, Biển Đông là một vùng biển nhạy cảm, tồn tại nhiều tranh chấp về chủ quyền, quyền lợi, phải giải quyết trong một thời gian dài. Các nước có liên quan đến tranh chấp ở Biển Đông chủ yếu là Trung Quốc, Philippines, Đài Loan, Malaysia, Brunei và Việt Nam. Mỗi nước đều đưa ra những yêu sách, lí lẽ của mình để viện dẫn, chứng minh chủ quyền. Việt Nam là nước chịu nhiều thiệt thòi nhất.

Trong khi, Trung Quốc với chiến lược hướng biển vô cùng quyết liệt đã, đang và sẽ đe dọa đến chủ quyền các nước trên Biển Đông. Chủ thể Trung Quốc là mầm mống phát sinh các vấn đề xoay quanh Biển Đông nhạy cảm khi đòi hỏi các quyền lợi vô lí như đường lưỡi bò 9 đoạn, xâm phạm bất hợp pháp lãnh hải các nước, tăng cường chạy đua vũ trang hải quân, sử dụng sách lược lôi kéo chia rẽ các nước ASEAN để một mình độc chiếm Biển Đông.

Chủ thể chính trị quan trọng nhất từ tác động từ bên ngoài là Mỹ đang hướng mũi chiến lược về Biển Đông, ASEAN với khả năng có thể kiềm chế Trung Quốc. Bắt đầu từ nhiệm kỳ của Tổng thống Obama, tuyên bố Hà Nội của Ngoại trưởng H.Clinton thật sự là những động thái tích cực, xoa dịu và áp chế các hành động quá khích và liều lĩnh của Trung Quốc hiện nay.

Các chủ thể liên quan khác là Nhật Bản, Ấn Độ cũng có các hành động và toan tính nhằm giảm áp lực trên Biển Đông, điều phối vấn đề theo hướng hòa bình, trung lập.

Vấn đề Biển Đông vẫn nóng lên theo từng ngày với những đợt sốt giá dầu tăng, khủng hoảng kinh tế. Một khi vấn đề tranh chấp ở Biển Đông vẫn còn nóng, căng thẳng thì đó là mối lo lớn không những của Việt Nam mà cả các nước hữu quan. Để Biển Đông từ một nơi được xem là “điểm nóng” trở thành một vùng biển của hợp tác, hòa bình và phát triển là một nhiệm vụ quan trọng của tương lai Đông Nam Á. Riêng Việt Nam cần giữ nguyên lập trường, tránh xung đột không cần thiết, tăng cường đấu tranh ngoại giao hơn nữa và củng cố về quốc phòng nhất là binh chủng hải quân.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

---

<sup>19</sup> Strategic Affairs, Hải quân Ấn Độ tại Biển Đông: Sự khởi đầu suôn sẻ, [www.southchinaseastudies.org](http://www.southchinaseastudies.org), 2011.

1. Nguyễn Văn Âu, *Địa lý tự nhiên Biển Đông*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, 2006.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế biển và vùng ven biển Việt Nam đến năm 2020*, Hà Nội, 2005.
3. Peter Brookes, *The Great Wall goes to sea - China's naval renewal raises critical questions for the world*, Armed forces journal, 2010.
4. Danh Đức, *Tàu sân bay thế kỉ XXI*, báo Tuổi trẻ, 16/8/2011,
5. Robert Gate, *Remark at the 9<sup>th</sup> IISS Asia Security Summit, The Shangri-La Dialogue*, June 2010 (dẫn lại từ Đỗ Thanh Hải-Nguyễn Thùy Linh (2010) , *Phản ứng của các nước và cục diện an ninh mới ở Biển Đông*. (<http://nghiencuubiendong.vn/nghien-cuu-vietnam/1462-phan-ung-cua-cac-nuoc-va-cuc-dien-an-ninh-moi-o-bien-dong>)
6. Trang Ngọc Hoa, *Vai trò của Nhật Bản trong vấn đề Biển Đông*, Viện Nghiên cứu các Vấn đề Quốc tế Trung Quốc – China Institute of International studies, 2011.
7. Thục Minh, *Giữ gìn hòa bình, ổn định trên Biển Đông*, Báo Thanh Niên 6/6/2011.
8. Nguyễn Thanh, *Hải quân Trung Quốc và chiến lược biển xa*, báo Sài Gòn tiếp thị, Tp. Hồ Chí Minh, 2011.
9. Quốc Thái biên dịch từ Australian Strategic Policy Institute, *An ninh Đông Nam Á đang thay đổi phức tạp* (<http://vietnamdefence.com/Home/phantich/An-ninh-Dong-Nam-A-dang-thay-doi-phuc-tap/201010/49702.aspx>), 2010.
10. Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn, *Trật tự thế giới sau Chiến tranh Lạnh phân tích và dự báo*, Hà Nội, 2001.
11. Viện Chiến lược phát triển - Bộ Kế hoạch và Đầu tư, *Báo cáo Chiến lược phát triển kinh tế biển của Việt Nam đến 2020*, Hà Nội, 2004.
12. Remarks by Foreign Minister Yang Jiechi at the ARF Foreign Ministers' Meeting, 2011/07/24 (<http://www.fmprc.gov.cn/eng/topics/yjccxdmwzh/t842183.htm> )
13. <http://nghiencuubiendong.vn>
14. Strategic Affairs, *Hải quân Ấn Độ tại Biển Đông: Sự khởi đầu suôn sẻ*. ([www.southchinaseastudies.org](http://www.southchinaseastudies.org)), 2011.

## **THE EAST SEA IN THE DEVELOPMENT STRATEGIES OF ASIA PACIFIC COUNTRIES IN EARLY 21ST CENTURY**

*Le Vu Truong Giang*  
*College of Sciences, Hue University*

**Abstract.** Right in the 1<sup>st</sup> decade of XXI century, the seaward strategy has been formulated by many countries around the world to promote the long-term strategic super-national projects. East Sea with its potential advantages and exploitation has attracted attention from many states. The rise of China and its sea-territory expanding have infringed upon the sovereignty of many countries in ASEAN, including Vietnam. This has been drawing international attention and making East Sea into a hot spot. East Sea has become an international issue and has affected the relationship between countries in Asia – Pacific as well. Therefore, this article is going to explore issues of "East Sea from the Perspective of International Relations" to eject generalization, comments on the current happenings and interpretation on the further unfolding. Some solutions will also be offered to the issue under the perspective of international relations.

Hopefully, the article will provide some updated information and perspective to readers on the issue.